

| TT  | Công trình/ Khu tưới        | Địa điểm xây dựng (xã) | Dung tích toàn phần (10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup> ) | Hình thức tràn xả lũ | Mức nước (m)                                                              |                                             |            | Dung tích                                            |                                                  | Ghi chú         |
|-----|-----------------------------|------------------------|-------------------------------------------------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|-----------------|
|     |                             |                        |                                                       |                      | So với MNDBT (hồ) hoặc MNTK (trạm bơm) thời điểm ngày cập nhật: 26/4/2019 | Mức nước thời điểm lần trước ngày 24/4/2019 | Chênh lệch | Dung tích hiện tại (10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup> ) | Dung tích hiện tại so với dung tích thiết kế (%) |                 |
| I   | Huyện Cư Jút                |                        | 12.786,000                                            |                      |                                                                           |                                             | -          | 1.995,850                                            | 15,61                                            |                 |
| 1   | Hồ Đắk Diêr                 | Cư Knia                | 5.920,000                                             | Tự do                | -4,20                                                                     | -4,10                                       | - 0,10     | 1.302,40                                             | 22                                               |                 |
| 2   | Hồ Đắk Đrông                | Đắk Đrông              | 3.722,000                                             | Cửa van              | <MNC                                                                      | <MNC                                        |            | 260,54                                               | 7                                                |                 |
| 3   | Hồ Buôn Buôr                | Tâm thắng              | 298,000                                               | Cửa van              | -3,20                                                                     | -3,05                                       | - 0,15     | 98,340                                               | 33                                               |                 |
| 4   | Hồ Cư Pu                    | Nam Dong               | 531,000                                               | Tự do                | Hết nước                                                                  | Hết nước                                    |            | 47,79                                                | 9                                                |                 |
| 5   | Hồ Tiểu khu 839             | Đắk Wil                | 216,000                                               | Tự do                | <MNC                                                                      | <MNC                                        |            | 21,60                                                | 10                                               |                 |
| 6   | Hồ Tiểu khu 840             | Đắk Wil                | 633,000                                               | Tự do                | -3,80                                                                     | -3,50                                       | - 0,30     | 164,58                                               | 26                                               |                 |
| 7   | Hồ Ea Diêr                  | Đắk Đrông              | 316,000                                               | Tự do                | <MNC                                                                      | <MNC                                        |            | 31,60                                                | 10                                               |                 |
| 8   | Hồ Trúc Sơn                 | Trúc Sơn               | 1.150,000                                             | Cửa van              | -6,20                                                                     | -6,20                                       | -          | 69,00                                                | 6                                                |                 |
| 9   | Trạm bơm Ea Pô              | Ea Pô                  |                                                       |                      |                                                                           |                                             |            |                                                      |                                                  |                 |
| II  | Huyện Krông Nô              |                        | 22.818,500                                            |                      |                                                                           |                                             |            | 9.947,160                                            | 43,59                                            |                 |
| 1   | Hồ Buôn Dong                | Quảng Phú              | 211,000                                               | Tự do                | -4,90                                                                     | -4,90                                       | -          | 4,220                                                | 2                                                |                 |
| 2   | Hồ Buôn Lang                | Quảng Phú              | 369,000                                               | Tự do                | -6,20                                                                     | -6,20                                       | -          | 40,590                                               | 11                                               |                 |
| 3   | Hồ Đắk Nang                 | Đắk Nang               | 2.697,000                                             | Tự do                | -2,50                                                                     | -2,50                                       | -          | 1.672,140                                            | 62                                               |                 |
| 4   | Hồ Đắk Mhang                | Nam Nung               | 657,000                                               | Tự do                | -1,50                                                                     | -1,50                                       | -          | 492,750                                              | 75                                               |                 |
| 5   | Hồ Buôn R'cập               | Nam Nung               | 599,000                                               | Tự do                | -3,80                                                                     | -3,80                                       | -          | 95,840                                               | 16                                               |                 |
| 6   | Hồ Đắk Viêng                | Nam Nung               | 1.017,500                                             |                      | -5,00                                                                     | -5,00                                       | -          | 875,050                                              | 86                                               |                 |
| 7   | Hồ Đắk Pok                  | Nâm N'Dir              | 856,000                                               | Tự do                | -1,10                                                                     | -1,10                                       | -          | 710,480                                              | 83                                               |                 |
| 8   | Hồ Đắk Hou                  | Nâm N'Dir              | 637,000                                               | Tự do                | -1,10                                                                     | -1,10                                       | -          | 554,190                                              | 87                                               |                 |
| 9   | Đắk Rô                      | Đắk Đrô                | 12.510,000                                            | Cửa van              | -11,00                                                                    | -11,00                                      | -          | 4.000,000                                            | 32                                               |                 |
| 10  | Hồ Nam Đà (Đắk Mâm)         | Nam Đà                 | 3.265,000                                             | Tự do                | -4,10                                                                     | -4,10                                       | -          | 1.501,900                                            | 46                                               |                 |
| 11  | Hồ Đắk Tân                  | TT. Đắk Mâm            | 28,200                                                |                      | -5,50                                                                     | -5,50                                       | -          |                                                      |                                                  |                 |
| 12  | Hồ Đắk Rì                   | Tân Thành              | 385,000                                               |                      | -4,00                                                                     | -4,00                                       | -          |                                                      |                                                  |                 |
| 13  | Hồ Đắk Rì I                 | Tân Thành              |                                                       |                      | -4,50                                                                     | -4,50                                       | -          |                                                      |                                                  |                 |
|     | Trạm Bơm Đắk Rền            | Nâm N'Dir              |                                                       |                      |                                                                           |                                             |            |                                                      |                                                  |                 |
|     | - Trạm bơm số 1             | Nâm N'Dir              |                                                       |                      | 0,50                                                                      | 0,50                                        |            |                                                      |                                                  |                 |
|     | - Trạm bơm số 1A            | Nâm N'Dir              |                                                       |                      | Kiệt                                                                      | Kiệt                                        |            |                                                      |                                                  |                 |
|     | - Trạm bơm số 2             | Nâm N'Dir              |                                                       |                      | Kiệt                                                                      | Kiệt                                        |            |                                                      |                                                  |                 |
|     | - Trạm bơm số 3             | Nâm N'Dir              |                                                       |                      | Kiệt                                                                      | Kiệt                                        |            |                                                      |                                                  |                 |
|     | - Trạm bơm số 4             | Nâm N'Dir              |                                                       |                      | 0,50                                                                      | 0,50                                        |            |                                                      |                                                  |                 |
|     | - Trạm bơm số 5             | Nâm N'Dir              |                                                       |                      | 0,50                                                                      | 0,50                                        |            |                                                      |                                                  |                 |
|     | Trạm bơm Buôn Choách        | Buôn Choách            |                                                       |                      |                                                                           |                                             |            |                                                      |                                                  |                 |
|     | - Trạm bơm số 1 Buôn Choách |                        |                                                       |                      | 1,00                                                                      | 1,00                                        |            |                                                      |                                                  |                 |
|     | - Trạm bơm số 2 Buôn Choách |                        |                                                       |                      | 1,00                                                                      | 1,00                                        |            |                                                      |                                                  |                 |
|     | - Trạm bơm số 3 Buôn Choách |                        |                                                       |                      | 1,00                                                                      | 1,00                                        |            |                                                      |                                                  |                 |
|     | Trạm bơm D12 Buôn Suk       | Quảng Phú              |                                                       |                      | Kiệt                                                                      | Kiệt                                        |            |                                                      |                                                  |                 |
|     | Trạm bơm Buôn Ktak          | Quảng Phú              |                                                       |                      | Kiệt                                                                      | Kiệt                                        |            |                                                      |                                                  |                 |
|     | Trạm bơm Buôn choih         | Đức Xuyên              |                                                       |                      | 0,20                                                                      | 0,20                                        |            |                                                      |                                                  |                 |
|     | Đập dâng Thanh Sơn          | Nam Xuân               |                                                       |                      | -0,10                                                                     | -0,10                                       | -          |                                                      |                                                  |                 |
|     | Đập dâng Đắk Trung          | Đăk Sôr                |                                                       |                      | 1,10                                                                      | 1,10                                        | -          |                                                      |                                                  |                 |
|     | Đập dâng Đắk Thành          | Đăk Sôr                |                                                       |                      | 0,20                                                                      | 0,20                                        | -          |                                                      |                                                  |                 |
|     | Đập dâng Quảng Hà           | Đăk Sôr                |                                                       |                      | 1,60                                                                      | 1,60                                        | -          |                                                      |                                                  |                 |
| III | Huyện Đắk Mil               |                        | 20.782,070                                            |                      |                                                                           |                                             | -          | 10.168,979                                           | 48,93                                            |                 |
| 1   | Hồ Đắk Săk                  | Đức Minh               | 6.885,000                                             | Tự do                | -4,01                                                                     | -3,90                                       | - 0,11     | 3.167,100                                            | 46                                               |                 |
| 2   | Hồ Tây                      | TT Đắk Mil             | 2.830,480                                             | Tự do                | -1,75                                                                     | -1,75                                       | -          | 1.443,545                                            | 51                                               |                 |
| 3   | Hồ Vạn Xuân                 | TT Đắk Mil             | 35,000                                                | Tự do                | -1,25                                                                     | -1,25                                       | -          | 14,350                                               | 41                                               | So với dây công |
| 4   | Hồ Núi lửa                  | Thuận An               | 612,500                                               | Tự do                | -3,45                                                                     | -3,45                                       |            | 67,375                                               | 11                                               |                 |
| 5   | Đập Đắk Puer                | Thuận An               | 350,000                                               | Cửa van              | -3,58                                                                     | -3,58                                       |            | 52,500                                               | 15                                               |                 |
| 6   | Đập Đắk Goun thượng         | Thuận An               | 498,000                                               | Cửa van              | -3,18                                                                     | -3,18                                       | -          | 139,440                                              | 28                                               |                 |
| 7   | Đập Yok Lom                 | Thuận An               | 513,960                                               | Tự do                | -2,08                                                                     | -2,08                                       | -          | 303,236                                              | 59                                               |                 |
| 8   | Đập Sapa                    | Thuận An               | 45,000                                                | Tự do                | -0,30                                                                     | -0,30                                       | -          | 36,450                                               | 81                                               |                 |
| 9   | Hồ Bu Đắk                   | Thuận An               | 475,000                                               | Tự do                | -1,45                                                                     | -1,45                                       | -          | 285,000                                              | 60                                               |                 |
| 10  | Nông trường Thuận An        | Thuận An               | 315,000                                               | Tự do                | <MNC                                                                      | <MNC                                        |            | 9,450                                                | 3                                                |                 |
| 11  | Lâm trường Thuận An         | Thuận An               | 285,000                                               | Tự do                | -1,95                                                                     | -1,95                                       | -          | 151,050                                              | 53                                               |                 |
| 12  | Hồ Đội 2                    | Thuận An               | 288,000                                               | Tự do                | -0,55                                                                     | -0,55                                       | -          | 224,640                                              | 78                                               |                 |
| 13  | Đập ông Truyền              | Đức Minh               | 30,000                                                | Tự do                | Hết nước                                                                  | Hết nước                                    |            | 0,900                                                | 3                                                |                 |
| 14  | Đập Ông Hiền                | Đức Minh               | 30,000                                                | Tự do                | Hết nước                                                                  | Hết nước                                    |            | 5,400                                                | 18                                               |                 |
| 15  | Hồ Jun Juh                  | Đức Minh               | 618,680                                               | Cửa van              | -1,45                                                                     | -1,45                                       | -          | 247,472                                              | 40                                               |                 |
| 16  | Hồ Đắk NDrôt                | Đăk N'DRôt             | 220,000                                               | Tự do                | Hết nước                                                                  | Hết nước                                    |            | 22,000                                               | 10                                               |                 |
| 17  | Hồ Đắk Rla                  | Đăk N'DRôt             | 165,000                                               | Tự do                | -3,97                                                                     | -3,97                                       | -          | 31,350                                               | 19                                               |                 |
| 18  | Công trình Đắk Goun         | Đăk N'DRôt             | 192,300                                               | Cửa van              | Hết nước                                                                  | Hết nước                                    |            | 34,61                                                | 18                                               |                 |
| 19  | Công trình hồ Đắk Sai       | Đăk Lao                | 133,400                                               | Cửa van              | Hết nước                                                                  | Hết nước                                    |            | 18,676                                               | 14                                               |                 |
| 20  | Công trình hồ Đắk Mбай      | Đăk Lao                | 91,600                                                | Cửa van              | Hết nước                                                                  | Hết nước                                    |            |                                                      |                                                  |                 |
| 21  | Công trình hồ Đắk Loou      | Đăk Lao                | 40,000                                                | Tự do                | Hết nước                                                                  | Hết nước                                    |            |                                                      |                                                  |                 |

| TT | Công trình/ Khu tưới       | Địa điểm xây dựng (xã) | Dung tích toàn phần (10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup> ) | Hình thức tràn xả lũ | Mức nước (m)                                                              |                                             |            | Dung tích                                            |                                                  | Ghi chú |
|----|----------------------------|------------------------|-------------------------------------------------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|---------|
|    |                            |                        |                                                       |                      | So với MNDBT (hồ) hoặc MNTK (trạm bơm) thời điểm ngày cập nhật: 26/4/2019 | Mức nước thời điểm lần trước ngày 24/4/2019 | Chênh lệch | Dung tích hiện tại (10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup> ) | Dung tích hiện tại so với dung tích thiết kế (%) |         |
| 22 | Hồ Đăk Ken (6B)            | Đăk Lao                | 30,000                                                | Tự do                | -1,40                                                                     | -1,40                                       |            | 5,700                                                | 19                                               |         |
| 23 | Công trình Đô Ry I         | Đăk Rla                | 283,500                                               | Cửa van              | -2,75                                                                     | -2,75                                       | -          | 144,585                                              | 51                                               |         |
| 24 | CTTL Đô Ry II              | Đăk Rla                | 1.314,050                                             | Cửa van              | -4,70                                                                     | -4,70                                       | -          | 683,306                                              | 52                                               |         |
| 25 | Công trình Đăk Láp         | Đăk Gắn                | 165,000                                               | Tự do                | Hết nước                                                                  | Hết nước                                    |            | 6,600                                                | 4                                                |         |
| 26 | Đăk Gắn                    | Đăk Gắn                | 61,250                                                | Tự do                | Hết nước                                                                  | Hết nước                                    |            | 4,288                                                | 7                                                |         |
| 27 | Thọ Hoàng                  | Đăk Săk                | 10,000                                                | Tự do                | -0,35                                                                     | -0,35                                       | -          | 4,100                                                | 41                                               |         |
| 28 | Hồ E29                     | Đăk Săk                | 720,000                                               | Tự do                | 0,00                                                                      | 0,00                                        | -          | 720,000                                              | 100                                              |         |
| 29 | Thủy lợi Mạnh Tiến         | Đức Mạnh               | 50,000                                                | Cửa van              | -1,50                                                                     | -1,50                                       | -          | 8,000                                                | 16                                               |         |
| 30 | Hồ Thác Hôn                | Đức Mạnh               | 1.275,000                                             | Tự do                | -4,20                                                                     | -4,20                                       | -          | 714,000                                              | 56                                               |         |
| 31 | Hồ Đội 1                   | Đăk Lao                | 600,000                                               | Tự do                | -0,55                                                                     | -0,55                                       | -          | 498,000                                              | 83                                               |         |
| 32 | Hồ Đội 35                  | Đăk Lao                | 110,000                                               | Tự do                | -2,00                                                                     | -2,20                                       | 0,20       | 55,000                                               | 50                                               |         |
| 33 | Hồ Đội 40                  | Đăk Lao                | 102,000                                               | Tự do                | -2,60                                                                     | -2,65                                       | 0,05       | 12,240                                               | 12                                               |         |
| 34 | Hồ Bắc Sơn 1               | Đăk Gắn                | 1.286,600                                             |                      | -1,95                                                                     | -1,80                                       | - 0,15     | 1.055,012                                            | 82                                               |         |
| 35 | Hồ Đội 3                   | Đức Mạnh               | 7,500                                                 |                      | Hết nước                                                                  | Hết nước                                    |            |                                                      |                                                  |         |
| 36 | Hồ Ông Đăng                | Đức Mạnh               | 15,750                                                |                      | Hết nước                                                                  | Hết nước                                    |            |                                                      |                                                  |         |
| 37 | Hồ Đội 4                   | Thuận An               | 15,000                                                |                      | -1,52                                                                     | -1,52                                       | -          | 3,600                                                | 24                                               |         |
| 38 | Hồ Tăng Gia                | Đăk Lao                | 82,500                                                |                      | Hết nước                                                                  | Hết nước                                    |            |                                                      |                                                  |         |
| 39 | Đập HTX Mạnh Thắng (Y ren) | Đức Mạnh               |                                                       |                      |                                                                           |                                             | -          |                                                      |                                                  |         |
| 40 | Đập Ông Hứa                | Đức Mạnh               |                                                       |                      |                                                                           |                                             | -          |                                                      |                                                  |         |
| IV | Huyện Đăk Song             |                        | 13.540,000                                            |                      |                                                                           |                                             | -          | 8.666,450                                            | 64,01                                            |         |
| 1  | Hồ Sinh Muống              | Thuận Hạnh             | 1.431,000                                             | Tự do                | -1,53                                                                     | -1,53                                       | -          | 872,910                                              | 61                                               |         |
| 2  | CTTL Đăk Kuăl              | Đăk ND'run             | 1.261,000                                             | Cửa van              | -1,55                                                                     | -1,55                                       | -          | 970,970                                              | 77                                               |         |
| 3  | Hồ Cư Prông                | Đăk Mol                | 115,000                                               | Tràn giềng           | -1,90                                                                     | -1,90                                       | -          | 71,300                                               | 62                                               |         |
| 4  | Hồ Đăk Mol                 | Đăk Mol                | 759,000                                               | Tự do                | -2,15                                                                     | -2,15                                       | -          | 311,190                                              | 41                                               |         |
| 5  | Hồ Đăk Mruông              | TT Đức An              | 189,000                                               | Tràn giềng           | -4,90                                                                     | -4,90                                       | -          | 13,230                                               | 7                                                |         |
| 6  | Hồ Suối Đá                 | Đăk N'DRung            | 252,000                                               | Tự do                | -1,65                                                                     | -1,65                                       | -          | 136,080                                              | 54                                               |         |
| 7  | Hồ Thôn 7 (Bu Bong)        | Đăk N'DRung            | 120,000                                               | Tự do                | -1,70                                                                     | -1,70                                       | -          | 51,600                                               | 43                                               |         |
| 8  | Hồ Đăk Mruong              | Thuận Hạnh             | 480,000                                               | Tự do                | -1,85                                                                     | -1,85                                       | -          | 86,400                                               | 18                                               |         |
| 9  | Hồ Thôn 2 (Trường Xuân)    | Trường Xuân            | 550,000                                               | Tràn giềng           | -2,20                                                                     | -2,20                                       | -          | 297,000                                              | 54                                               |         |
|    | Đập Dăng Y Oanh            | Đăk Mol                |                                                       |                      |                                                                           |                                             |            |                                                      |                                                  |         |
| 10 | CTTL Đăk Rlon              | TT Đức An              | 908,000                                               | Cửa van              | -1,40                                                                     | -1,40                                       | -          | 762,720                                              | 84                                               |         |
| 11 | CTTL Đăk Lép               | Nâm N'Jang             | 674,000                                               | Tự do                | -1,90                                                                     | -1,90                                       | -          | 498,760                                              | 74                                               |         |
| 12 | Thủy lợi Nâm N'Jang        | Nâm N'Jang             | 564,000                                               | Cửa van              | -0,40                                                                     | -0,40                                       | -          | 513,240                                              | 91                                               |         |
| 13 | Hồ Đăk Pông Bê             | Đăk N'DRung            | 749,000                                               | Tự do                | -2,77                                                                     | -2,77                                       | -          | 464,380                                              | 62                                               |         |
| 14 | Hồ Thôn 5                  | Đăk N'DRung            | 702,000                                               | Cửa van              | -1,10                                                                     | -1,10                                       | -          | 315,900                                              | 45                                               |         |
| 15 | Hồ Thôn 2                  | Đăk N'DRung            | 145,000                                               | Tự do                | -0,25                                                                     | -0,25                                       | -          | 131,950                                              | 91                                               |         |
| 16 | Hồ Thuận Tân               | Thuận Hạnh             | 290,000                                               | Tự do                | -1,32                                                                     | -1,32                                       | -          | 232,000                                              | 80                                               |         |
| 17 | Hồ Thuận Thành             | Thuận Hạnh             | 743,000                                               | Cửa van              | -2,45                                                                     | -2,42                                       | - 0,03     | 512,670                                              | 69                                               |         |
| 18 | Hồ Thôn 3                  | Trường Xuân            | 250,000                                               | Tự do                | -2,20                                                                     | -2,20                                       | -          | 152,500                                              | 61                                               |         |
| 19 | Đập Đăk Nhai               | Trường Xuân            | 1.065,000                                             | Tự do                | -2,20                                                                     | -2,20                                       | -          | 777,450                                              | 73                                               |         |
| 20 | CTTL Đăk Cai               | Trường Xuân            | 274,000                                               | Tự do                | -1,90                                                                     | -1,90                                       | -          | 161,660                                              | 59                                               |         |
| 21 | Hồ Đăk Toa                 | Thuận Hà               | 2.019,000                                             | Tự do                | -2,03                                                                     | -2,00                                       | - 0,03     | 1.332,540                                            | 66                                               |         |
| 22 | CTTL Sơ Re                 | Đăk N'DRung            |                                                       |                      | <MNC                                                                      | <MNC                                        |            |                                                      |                                                  |         |
| 23 | CTTL Dăng D'ri             | Đăk N'DRung            |                                                       |                      | <MNC                                                                      | <MNC                                        |            |                                                      |                                                  |         |
| 24 | CTTL Đăk kuăl 5            | Đăk N'DRung            |                                                       |                      | <MNC                                                                      | <MNC                                        |            |                                                      |                                                  |         |
| 25 | CTTL 661                   | Thuận Hạnh             |                                                       |                      | -1,50                                                                     | -1,50                                       | -          |                                                      |                                                  |         |
| 26 | Đập Thôn 10                | Đăk N'DRung            |                                                       |                      |                                                                           |                                             |            |                                                      |                                                  |         |
| V  | Thị xã Gia Nghĩa           |                        | 7.831,100                                             |                      |                                                                           |                                             |            | 5.757,830                                            | 73,53                                            |         |
| 1  | Hồ Nam Đa                  | Đăk Nia                | 1.082,000                                             | Tự do                | -1,55                                                                     | -1,55                                       | -          | 854,78                                               | 79                                               |         |
| 2  | Hồ Chế Biên                | Đăk Nia                | 690,000                                               | Tự do                | -0,70                                                                     | -0,70                                       | -          | 552,00                                               | 80                                               |         |
| 3  | Hồ Fai Kol Pur Dăng        | Đăk Nia                | 501,000                                               | Tự do                | -1,10                                                                     | -1,10                                       | -          | 250,50                                               | 50                                               |         |
| 4  | Hồ Đăk Noh (Đăk Đô)        | Đăk Nia                | 427,000                                               | Tự do                | -1,10                                                                     | -1,10                                       | -          | 354,41                                               | 83                                               |         |
| 5  | Hồ Đăk Cút                 | Đăk Nia                | 790,100                                               | Tự do                | -2,60                                                                     | -2,60                                       | -          | 553,07                                               | 70                                               |         |
| 6  | Hồ Thôn 2B                 | Đăk Nia                | 413,000                                               | Tự do                | -1,00                                                                     | -1,00                                       | -          | 334,53                                               | 81                                               |         |
| 7  | Hồ Đăk Rial                | Đăk Nia                | 306,000                                               | Tự do                | -2,20                                                                     | -2,20                                       | -          | 174,42                                               | 57                                               |         |
| 8  | Hồ Rẫy Mới                 | Quảng Thành            | 575,000                                               | Tự do                | -3,00                                                                     | -3,00                                       | -          | 241,50                                               | 42                                               |         |
| 9  | Hồ Tân Hiệp 1              | Đăk R'moan             | 775,000                                               | Tự do                | -0,80                                                                     | -0,80                                       | -          | 728,50                                               | 94                                               |         |
| 10 | Hồ Thủy lợi Nghĩa Phú      | Nghĩa Phú              | 69,000                                                | Tự do                | -2,9                                                                      | -2,9                                        | -          | 8,28                                                 | 12                                               |         |
| 11 | Hồ Sinh Ba                 | Nghĩa Trung            | 604,000                                               | Cửa van              | -1,00                                                                     | -1,00                                       | -          | 567,76                                               | 94                                               |         |
| 12 | Hồ Tổ 5                    | Nghĩa Trung            | 650,000                                               | Tự do                | -0,55                                                                     | -0,55                                       | -          | 617,50                                               | 95                                               |         |
| 13 | Hồ Tổ 6                    | Nghĩa Trung            | 305,000                                               | Tự do                | -1,10                                                                     | -1,10                                       | -          | 250,10                                               | 82                                               |         |
| 14 | Hồ Đăk Nút                 | Nghĩa Đức              | 644,000                                               | Tự do                | -2,40                                                                     | -2,40                                       | -          | 270,48                                               | 42                                               |         |
| 15 | Hồ Tổ 3                    | Nghĩa Phú              |                                                       | Tự do                | -0,90                                                                     | -0,90                                       | -          |                                                      |                                                  |         |
| VI | Huyện Đăk GLong            |                        | 14.695,000                                            |                      |                                                                           |                                             |            | 10.587,110                                           | 72,05                                            |         |
| 1  | Hồ Thủy Điện               | Quảng Sơn              | 1.200,000                                             | Tự do                | 0,05                                                                      | 0,08                                        | - 0,03     | 1.200,00                                             | 100                                              |         |
| 2  | Hồ Công ty 847             | Quảng Sơn              | 1.098,000                                             | Tự do                | -0,87                                                                     | -0,90                                       | 0,03       | 955,26                                               | 87                                               |         |
| 3  | Hồ Đèo 52                  | Quảng Sơn              | 240,000                                               | Tự do                | -4,35                                                                     | -4,40                                       | 0,05       | 12,00                                                | 5                                                |         |
| 4  | Hồ Đăk Snao 1 (Hồ 882A)    | Quảng Sơn              | 620,000                                               | Tự do                | -1,95                                                                     | -1,97                                       | 0,02       | 396,80                                               | 64                                               |         |
| 5  | Hồ Đăk Snao 2 (Hồ 882B)    | Quảng Sơn              | 143,000                                               | Tự do                | -1,58                                                                     | -1,60                                       | 0,02       | 97,24                                                | 68                                               |         |

| TT                 | Công trình/ Khu tưới    | Địa điểm xây dựng (xã) | Dung tích toàn phần (10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup> ) | Hình thức tràn xả lũ | Mức nước (m)                                                              |                                             |            | Dung tích                                            |                                                  | Ghi chú |
|--------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------------------------------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|---------|
|                    |                         |                        |                                                       |                      | So với MNDBT (hồ) hoặc MNTK (trạm bơm) thời điểm ngày cập nhật: 26/4/2019 | Mức nước thời điểm lần trước ngày 24/4/2019 | Chênh lệch | Dung tích hiện tại (10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup> ) | Dung tích hiện tại so với dung tích thiết kế (%) |         |
| 6                  | Hồ Đắc Snao 3           | Quảng Sơn              | 710,000                                               | Tự do                | 0,00                                                                      | 0,00                                        | -          | 710,00                                               | 100                                              |         |
| 7                  | Hồ Thôn 3B Bon Sa Na    | Quảng Sơn              | 626,000                                               | Tự do                | -1,83                                                                     | -1,86                                       | - 0,03     | 313,00                                               | 50                                               |         |
| 8                  | Thủy lợi Đắc N'der 2    | Quảng Sơn              | 487,000                                               | Tự do                | -1,65                                                                     | -1,60                                       | - 0,05     | 185,06                                               | 38                                               |         |
| 9                  | Hồ Km 41                | Quảng Sơn              | 370,000                                               | Tự do                | -0,30                                                                     | -0,30                                       | -          | 318,20                                               | 86                                               |         |
| 10                 | Hồ Ba Trong             | Quảng Sơn              | 260,000                                               | Tự do                | -1,00                                                                     | -1,00                                       | -          | 200,20                                               | 77                                               |         |
| 11                 | Thôn 2                  | Quảng Sơn              |                                                       | Tự do                | -1,40                                                                     | -1,45                                       | 0,05       |                                                      |                                                  |         |
| 12                 | Thôn 3B                 | Quảng Sơn              |                                                       | Tự do                | -1,30                                                                     | -1,35                                       | 0,05       |                                                      |                                                  |         |
| 13                 | Thôn 3A + 3B            | Quảng Sơn              |                                                       | Tự do                | -1,70                                                                     | -1,75                                       | 0,05       |                                                      |                                                  |         |
| 14                 | Đắc Pin                 | Quảng Sơn              |                                                       | Tự do                | -0,80                                                                     | -0,80                                       | -          |                                                      |                                                  |         |
| 15                 | Đắc Spin                | Quảng Sơn              |                                                       | Tự do                | -1,55                                                                     | -1,60                                       | 0,05       |                                                      |                                                  |         |
| 16                 | Hồ Đắc Hlang            | Quảng Khê              | 544,000                                               | Tự do                | -1,89                                                                     | -1,86                                       | - 0,03     | 320,96                                               | 59                                               |         |
| 17                 | Hồ Trường Học           | Quảng Khê              | 215,000                                               | Tự do                | -0,03                                                                     | -0,01                                       | - 0,02     | 212,85                                               | 99                                               |         |
| 18                 | Thủy lợi Nao Ma A       | Quảng Khê              | 569,000                                               | Tự do                | -1,30                                                                     | -1,33                                       | 0,03       | 438,13                                               | 77                                               |         |
| 19                 | Hồ Thôn 2 (Nao Kon Đơi) | Quảng Khê              | 413,000                                               | Tự do                | -1,00                                                                     | -1,04                                       | 0,04       | 243,67                                               | 59                                               |         |
| 20                 | Hồ Thôn 4               | Quảng Khê              | 356,000                                               | Tự do                | -1,91                                                                     | -1,90                                       | - 0,01     | 210,04                                               | 59                                               |         |
| 21                 | Hồ Đắc Srê              | Quảng Khê              | 902,000                                               | Tự do                | -2,20                                                                     | -2,18                                       | - 0,02     | 387,86                                               | 43                                               |         |
| 22                 | Hồ Thôn 3               | Quảng Khê              | 250,000                                               | Tự do                | -1,89                                                                     | -1,86                                       | - 0,03     | 227,50                                               | 91                                               |         |
| 23                 | Đắc N'Jer               | Quảng Khê              | 414,000                                               | Tự do                | -1,12                                                                     | -1,12                                       | -          | 339,48                                               | 82                                               |         |
| 24                 | Bas Rai                 | Quảng Khê              | 750,000                                               | Tự do                | -2,52                                                                     | -2,50                                       | - 0,02     | 547,50                                               | 73                                               |         |
| 25                 | Cầu đường               | Quảng Khê              |                                                       | Tự do                | -1,04                                                                     | -1,10                                       | 0,06       |                                                      |                                                  |         |
| 26                 | Đắc Mbuóch              | Quảng Khê              |                                                       | Tự do                | -0,12                                                                     | -0,11                                       | - 0,01     |                                                      |                                                  |         |
| 27                 | Lâm trường (Thôn 5)     | Quảng Khê              |                                                       | Tự do                | -1,62                                                                     | -1,62                                       | -          |                                                      |                                                  |         |
| 28                 | Hồ Bi Zê Rê             | Đắc Som                | 390,000                                               | Tự do                | -1,23                                                                     | -1,23                                       | -          | 300,30                                               | 77                                               |         |
| 29                 | Hồ B'Dong               | Đắc Som                | 520,000                                               | Tự do                | 0,03                                                                      | 0,03                                        | -          | 520,00                                               | 100                                              |         |
| 30                 | Thủy lợi Thôn 5         | Đắc Som                | 253,000                                               | Tự do                | -4,00                                                                     | -4,10                                       | 0,10       | 80,96                                                | 32                                               |         |
| 31                 | Hồ Chum Ia              | Đắc Som                | 700,000                                               | Tự do                | -0,42                                                                     | -0,43                                       | 0,01       | 665,00                                               | 95                                               |         |
| 32                 | Bon B'srê B             | Đắc Som                |                                                       | Tự do                | 0,03                                                                      | 0,03                                        | -          |                                                      |                                                  |         |
| 33                 | Hồ Thôn 1               | Đắc Ha                 | 72,000                                                | Tự do                | -2,20                                                                     | -2,20                                       | -          | 38,88                                                | 54                                               |         |
| 34                 | Hồ Đắc Bông             | Đắc Ha                 | 170,000                                               | Tự do                | -3,35                                                                     | -3,30                                       | - 0,05     | 62,90                                                | 37                                               |         |
| 35                 | Hồ Đắc Ha               | Đắc Ha                 | 689,000                                               | Tự do                | -2,20                                                                     | -2,20                                       | -          | 344,50                                               | 50                                               |         |
| 36                 | Hồ Đắc R'Tiêng          | Đắc Ha                 | 169,000                                               | Tự do                | -1,65                                                                     | -1,65                                       | -          | 114,92                                               | 68                                               |         |
| 37                 | Hồ Trảng Ba             | Đắc Ha                 | 270,000                                               | Tự do                | -4,80                                                                     | -4,80                                       | -          | 54,00                                                | 20                                               |         |
| 38                 | Ea Nung                 | Đắc Ha                 |                                                       | Tự do                | -2,45                                                                     | -2,42                                       | - 0,03     |                                                      |                                                  |         |
| 39                 | Đắc Pruh                | Đắc Ha                 |                                                       | Tự do                | -0,25                                                                     | -0,25                                       | -          |                                                      |                                                  |         |
| 40                 | Hồ Đắc Snao             | Đắc R'Măng             | 595,000                                               | Tự do                | -0,46                                                                     | -0,46                                       | -          | 487,90                                               | 82                                               |         |
| 41                 | Hồ Dạ Hang Lang         | Đắc R'Măng             | 700,000                                               | Tự do                | -1,20                                                                     | -1,20                                       | -          | 602,00                                               | 86                                               |         |
| 42                 | Số 1                    | Đắc P'lao              |                                                       | Tự do                | -0,04                                                                     | -0,05                                       | 0,01       |                                                      |                                                  |         |
| 43                 | Số 2                    | Đắc P'lao              |                                                       | Tự do                | -0,04                                                                     | -0,04                                       | -          |                                                      |                                                  |         |
| 44                 | Số 3                    | Đắc P'lao              |                                                       | Tự do                | -0,20                                                                     | -0,22                                       | 0,02       |                                                      |                                                  |         |
| 45                 | Thôn 2                  | Đắc P'lao              |                                                       | Tự do                | -1,37                                                                     | -1,37                                       | -          |                                                      |                                                  |         |
| VII Huyện Đắc RLấp |                         |                        | 29.238,000                                            |                      |                                                                           |                                             |            | 22.446,560                                           | 76,77                                            |         |
| 1                  | Hồ Đắc BLao             | TT Kiên Đức            | 288,000                                               | Tự do                | -0,45                                                                     | -0,45                                       | -          | 244,800                                              | 85                                               |         |
| 2                  | Thủy lợi Da Dung        | TT Kiên Đức            | 289,000                                               | Tự do                | -0,90                                                                     | -0,90                                       | -          | 248,540                                              | 86                                               |         |
| 3                  | Hồ Sa Da Co             | Quảng Tín              | 300,000                                               | Tự do                | -1,80                                                                     | -1,80                                       | -          | 180,000                                              | 60                                               |         |
| 4                  | Hồ Thôn 9               | Quảng Tín              | 517,000                                               | Tự do                | -3,00                                                                     | -3,00                                       | -          | 206,800                                              | 40                                               |         |
| 5                  | Thủy lợi Đắc Xá         | Quảng Tín              | 408,000                                               | Tự do                | -3,00                                                                     | -3,00                                       | -          | 130,560                                              | 32                                               |         |
| 6                  | Thủy lợi Bàu Muối       | Nhân Đạo               | 1.183,000                                             | Tự do                | -0,65                                                                     | -0,65                                       | -          | 1.064,700                                            | 90                                               |         |
| 7                  | Hồ Đắc Nêr              | Nhân Đạo               | 990,000                                               | Tự do                | -0,37                                                                     | -0,37                                       | -          | 910,800                                              | 92                                               |         |
| 8                  | Hồ Đắc R'Mur            | Nhân Đạo               | 971,000                                               | Tự do                | -2,50                                                                     | -2,50                                       | -          | 640,860                                              | 66                                               |         |
| 9                  | Hồ Đắc R'Sung           | Nhân Đạo               | 651,000                                               | Tự do                | -0,37                                                                     | -0,37                                       | -          | 585,900                                              | 90                                               |         |
| 10                 | Hồ Bon Pi Nao           | Nhân Đạo               | 917,000                                               | Tự do                | -1,15                                                                     | -1,15                                       | -          | 678,580                                              | 74                                               |         |
| 11                 | Hồ Nhân Cơ              | Nhân Cơ                | 1.104,000                                             | Cửa van              | -0,80                                                                     | -0,80                                       | -          | 938,400                                              | 85                                               |         |
| 12                 | Hồ Thôn 11              | Nhân Cơ                | 461,000                                               | Tự do                | -0,60                                                                     | -0,60                                       | -          | 419,510                                              | 91                                               |         |
| 13                 | Hồ Thôn 12              | Nhân Cơ                | 765,000                                               | Tự do                | -0,50                                                                     | -0,50                                       | -          | 711,450                                              | 93                                               |         |
| 14                 | Hồ Cầu Tư               | Nghĩa Thắng            | 8.090,000                                             | Tự do                | -4,20                                                                     | -4,20                                       | -          | 5.663,000                                            | 70                                               |         |
| 15                 | Hồ Đắc R'Tang           | Kiến Thành             | 1.520,000                                             | Tự do                | -0,05                                                                     | -0,05                                       | -          | 1.504,800                                            | 99                                               |         |
| 16                 | Hồ Thôn 9 (Kiến Thành)  | Kiến Thành             | 610,000                                               | Tự do                | -1,10                                                                     | -1,10                                       | -          | 451,400                                              | 74                                               |         |
| 17                 | Đắc Jeng Tung           | Kiến Thành             | 172,000                                               | Cửa van              | -1,50                                                                     | -1,50                                       | -          | 123,840                                              | 72                                               |         |
| 18                 | Hồ Đắc Tát              | Hưng Bình              | 733,000                                               | Tự do                | -0,60                                                                     | -0,60                                       | -          | 593,730                                              | 81                                               |         |
| 19                 | Đập thôn 8 Đắc Sin      | Hưng Bình              | 418,000                                               | Cửa van              | -1,10                                                                     | -1,10                                       | -          | 275,880                                              | 66                                               |         |
| 20                 | Đập Quảng Lộc           | Đạo Nghĩa              | 1.103,000                                             | Tự do                | -0,70                                                                     | -0,70                                       | -          | 981,670                                              | 89                                               |         |
| 21                 | Hồ Đắc Côn              | Đạo Nghĩa              | 728,000                                               | Tự do                | -0,70                                                                     | -0,70                                       | -          | 633,360                                              | 87                                               |         |
| 22                 | Đập Đắc Krung           | Đắc Wer                | 532,000                                               | Tự do                | -0,80                                                                     | -0,80                                       | -          | 351,120                                              | 66                                               |         |
| 23                 | Hồ Thôn 2 (Đắc Sin)     | Đắc Sin                | 1.213,000                                             | Cửa van              | -1,15                                                                     | -1,15                                       | -          | 873,360                                              | 72                                               |         |
| 24                 | Hồ Đắc Sinh (Hồ Thôn 5) | Đắc Sin                | 959,000                                               | Tự do                | -0,40                                                                     | -0,40                                       | -          | 930,230                                              | 97                                               |         |
| 25                 | Hồ Thôn 5               | Đắc Sin                | 702,000                                               | Tự do                | -0,75                                                                     | -0,75                                       | -          | 624,780                                              | 89                                               |         |
| 26                 | Đập Thôn 5              | Đắc Sin                | 745,000                                               | Tự do                | -0,95                                                                     | -0,95                                       | -          | 648,150                                              | 87                                               |         |
| 27                 | Hồ Đắc Sin              | Đắc Sin                | 651,000                                               | Tự do                | -0,70                                                                     | -0,70                                       | -          | 540,330                                              | 83                                               |         |
| 28                 | Hồ Đắc Ru I             | Đắc Ru                 | 332,000                                               | Tự do                | -0,50                                                                     | -0,50                                       | -          | 305,440                                              | 92                                               |         |
| 29                 | Hồ Đắc Ru II            | Đắc Ru                 | 459,000                                               | Tự do                | -0,80                                                                     | -0,80                                       | -          | 408,510                                              | 89                                               |         |
| 30                 | Hồ Thôn 2               | Quảng Tín              | 145,000                                               | Tự do                | -1,00                                                                     | -1,00                                       | -          | 87,000                                               | 60                                               |         |
| 31                 | Hồ Số 3                 | Nhân Cơ                | 788,000                                               | Tự do                |                                                                           |                                             | -          |                                                      |                                                  |         |
| 32                 | Hồ Bù Ja Rá □           | Nghĩa Thắng            | 494,000                                               | Tự do                | 0,10                                                                      | 0,10                                        | -          | 489,060                                              | 99                                               |         |
| VIII Huyện Tuy Đức |                         |                        | 14.829,000                                            |                      |                                                                           |                                             |            | 8.221,560                                            | 55,44                                            |         |
| 1                  | Hồ Đắc R'Tih            | Đắc R'Tih              | 1.808,000                                             | Tự do                | -2,86                                                                     | -2,86                                       | -          | 1.102,880                                            | 61                                               |         |
| 2                  | Hồ Đắc Buk So           | Đắc Buk Sor            | 1.081,000                                             | Tự do                | -3,60                                                                     | -3,60                                       | -          | 324,300                                              | 30                                               |         |
| 3                  | Hồ Đắc Rĩa              | Đắc R'Tih              | 1.049,000                                             | Tự do                | -1,30                                                                     | -1,30                                       | -          | 566,460                                              | 54                                               |         |
| 4                  | Hồ Đắc Ké               | Quảng Trục             | 313,000                                               | Tự do                | -1,80                                                                     | -1,80                                       | -          | 187,800                                              | 60                                               |         |
| 5                  | Hồ Đắc Huýt             | Quảng Trục             | 550,000                                               | Tự do                | -5,50                                                                     | -5,50                                       | -          | 49,500                                               | 9                                                |         |
| 6                  | Hồ Đắc Bliêng           | Đắc R'Tih              | 1.153,000                                             | Cửa van              | -1,20                                                                     | -1,20                                       | -          | 461,200                                              | 40                                               |         |

| TT  | Công trình/ Khu tưới | Địa điểm xây dựng (xã) | Dung tích toàn phần (10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup> ) | Hình thức tràn xả lũ | Mức nước (m)                                                              |                                             |            | Dung tích                                            |                                                  | Ghi chú |
|-----|----------------------|------------------------|-------------------------------------------------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------|------------|------------------------------------------------------|--------------------------------------------------|---------|
|     |                      |                        |                                                       |                      | So với MNDBT (hồ) hoặc MNTK (trạm bơm) thời điểm ngày cập nhật: 26/4/2019 | Mức nước thời điểm lần trước ngày 24/4/2019 | Chênh lệch | Dung tích hiện tại (10 <sup>3</sup> m <sup>3</sup> ) | Dung tích hiện tại so với dung tích thiết kế (%) |         |
| 7   | Đập Bon Đăk Bu Lum   | Quảng Trục             | 138,000                                               | Tự do                | -1,45                                                                     | -1,45                                       | -          | 85,560                                               | 62                                               |         |
| 8   | Hồ Đăk Ké 2          | Quảng Trục             | 404,000                                               | Tự do                | -1,50                                                                     | -1,50                                       | -          | 278,760                                              | 69                                               |         |
| 9   | Hồ Thôn 2 (Pu Prăng) | Quảng Trục             | 133,000                                               | Tự do                | 0,00                                                                      | 0,00                                        | -          | 133,000                                              | 100                                              |         |
| 10  | Hồ Doãn Văn          | Đăk R'Tih              | 915,000                                               | Tự do                | -1,80                                                                     | -1,80                                       | -          | 393,450                                              | 43                                               |         |
| 11  | Hồ Đăk Bu R'lêy      | Đăk R'Tih              | 125,000                                               | Tự do                | -1,00                                                                     | -1,00                                       | -          | 91,250                                               | 73                                               |         |
| 12  | Hồ Đăk BLung         | Đăk Buk Sor            | 562,000                                               | Tự do                | -1,60                                                                     | -1,60                                       | -          | 241,660                                              | 43                                               |         |
| 13  | Đập Đăk Glun 1       | Đăk Ngo                | 461,000                                               | Tự do                | -1,00                                                                     | -1,10                                       | 0,10       | 345,750                                              | 75                                               |         |
| 14  | Đập Đăk Glun 2       | Đăk Ngo                | 461,000                                               | Tự do                | -0,95                                                                     | -1,00                                       | 0,05       | 359,580                                              | 78                                               |         |
| 15  | Đập Đăk Glun 3       | Đăk Ngo                | 563,000                                               | Tự do                | -1,10                                                                     | -1,20                                       | 0,10       | 433,510                                              | 77                                               |         |
| 16  | Hồ Đăk R'Mar         | Đăk Buk Sor            | 263,000                                               | Tự do                | -1,50                                                                     | -1,50                                       | -          | 152,540                                              | 58                                               |         |
| 17  | Đập Đăk Huýt 4       | Quảng Trục             | 378,000                                               | Tự do                | -1,50                                                                     | -1,50                                       | -          | 136,080                                              | 36                                               |         |
| 18  | Đập D2               | Quảng Trục             | 789,000                                               | Tự do                | -0,20                                                                     | -0,20                                       | -          | 741,660                                              | 94                                               |         |
| 19  | Hồ Số 1              | Đăk Ngo                | 824,000                                               | Tự do                | -1,00                                                                     | -1,00                                       | -          | 692,160                                              | 84                                               |         |
| 20  | Hồ Số 2              | Đăk Ngo                | 426,000                                               | Tự do                | -0,90                                                                     | -0,90                                       | -          | 315,240                                              | 74                                               |         |
| 21  | Hồ Số 3              | Đăk Ngo                | 788,000                                               | Tự do                | -1,20                                                                     | -1,30                                       |            | 228,520                                              | 29                                               |         |
| 22  | Hồ Số 4              | Đăk Ngo                | 310,000                                               | Tự do                | -1,10                                                                     | -1,20                                       |            | 179,800                                              | 58                                               |         |
| 23  | Hồ Đăk Tiên Tranh    | Đăk Buk So             | 1.335,000                                             | Tự do                | -2,80                                                                     | -2,80                                       | -          | 720,900                                              | 54                                               |         |
| 24  | Đập Đăk Ngo          | Đăk Ngo                |                                                       |                      | <MNC                                                                      | <MNC                                        |            |                                                      |                                                  |         |
| 25  | Đập bon Pu PRăng     | Quảng Trục             |                                                       |                      | -0,50                                                                     | -0,50                                       | -          |                                                      |                                                  |         |
| 26  | Đập D1               | Quảng Trục             |                                                       |                      | -0,30                                                                     | -0,30                                       | -          |                                                      |                                                  |         |
| 27  | Hồ Đăk Zên           | Quảng Trục             |                                                       |                      |                                                                           |                                             | -          |                                                      |                                                  |         |
| 28  | Hồ Thôn 2            | Quảng Tâm              |                                                       |                      |                                                                           |                                             | -          |                                                      |                                                  |         |
|     | Đập dâng thôn 2      | Quảng Tân              |                                                       |                      |                                                                           |                                             |            |                                                      |                                                  |         |
|     | Đập dâng Bon Phung   | Quảng Tân              |                                                       |                      |                                                                           |                                             |            |                                                      |                                                  |         |
|     | Đập Dâng Đăk Huýt 2  | Quảng Trục             |                                                       |                      |                                                                           |                                             |            |                                                      |                                                  |         |
|     | Đập Dâng Đăk Huýt 3  | Quảng Trục             |                                                       |                      |                                                                           |                                             |            |                                                      |                                                  |         |
| 192 | TỔNG CỘNG:           |                        | 136.519,670                                           |                      |                                                                           |                                             |            | 77.791,499                                           | 56,98                                            |         |